TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2023
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Phụng và bà Nguyễn Thị Kim Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mạc Văn Hinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 289/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/HPT-QĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1992

Hộ khẩu thường trú: thôn G, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Trần Minh Q**, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn G, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắc như sau:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T và ông Trần Minh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 9 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình chung sống vợ chồng đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông Q ghen tuông vô cớ, rồi gây gỗ chửi bới và nhiều lần dùng bạo lực đánh đập bà T. Do không chịu đựng nỗi nên bà T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột (thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam) để sinh sống từ tháng 9 năm 2022 và vợ chồng ly thân không còn chung sống nhau.

Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn xảy ra đã trầm trọng, vợ không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Minh Q.

2. Về con chung: Bà T khai vợ chồng có 02 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2018 và Trần Thị M, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2020 (hiện đang ở với bà T tại thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam).

Bà T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung K và M, không yêu cầu ông Q đóng góp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại hồ sơ vụ án thể hiện*: Ông Trần Minh Q có hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và Tòa án nhân dân huyện Đ đã nhiều lần giao giấy triệu tập trực tiếp cho ông Q ký nhận để giải quyết vụ án ly hôn theo quy định pháp luật nhưng ông Q không hợp tác, cố tình trốn tránh không làm việc với Tòa. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng đối với ông Q theo quy định pháp luật bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo việc công khai chứng cứ, Thông báo về các phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn ông Trần Minh Q, trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông Q vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông Q đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông Q.

- Về quan hệ con chung: Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho các con, đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Trần Minh K và Trần Thị M cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Bà T không yêu cầu ông Q đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Trần Minh Q đã cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc với Tòa và Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Minh Q vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T và ông Trần Minh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ theo Trích lục kết hôn số 70/2016 ngày 28 tháng 9 năm 2016. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Q là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là ông Q ghen tuông vô cớ, gây gỗ chửi bới và nhiều lần dùng bạo lực đánh đập bà T. Theo xác minh tại địa phương, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra bà T bỏ đi, sau đó về lại chung sống nhưng vợ chồng bà T và ông Q vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Thực tế

giữa bà T và ông Q ly thân không còn chung sống với nhau, ông Q cũng không đến Toà án để hoà giải mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con Trần Minh K và Trần Thị M. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra bà T đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, trong thời gian trước đây và hiện nay các cháu K và M do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt, bà T làm công nhân may thu nhập hằng tháng ổn định, có điều kiện chăm sóc con chung, các cháu K và M còn nhỏ cần được sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Q đóng góp nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Minh Q.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2018 và Trần Thị M, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2020 cho bà Lê Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu K và M đủ 18 tuổi (hiện các cháu K và M đang ở với bà T tại thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam).

Bà T không yêu cầu ông Q đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: (Không yêu cầu giải quyết).

4. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu 0003960 ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà T đã nộp đủ.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Bà Lê Thị Thanh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trần Minh Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái